

# Từ ghép – Từ láy

## 1. Xếp các từ ghép sau vào bảng phù hợp:

*cười nụ*

*đầu đuôi*

*ấm ướt*

*suy nghĩ*

**Từ ghép chính phụ**



**Từ ghép đẳng lập**



*nhà máy*

*nhà ăn*

*xanh ngắt*

*lâu đời*

## 2. Chọn từ ghép gồm các tiếng đồng nghĩa hoặc gần nghĩa:

|                          |                          |                          |                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <i>đầu đuôi</i>          | <i>lựa chọn</i>          | <i>màu sắc</i>           | <i>gần xa</i>            | <i>yêu mến</i>           |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>đó đây</i>            | <i>cứng rắn</i>          | <i>to nhỏ</i>            | <i>khó dễ</i>            | <i>hư hỏng</i>           |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

*Những từ còn lại là:*

### 3. Chọn từ lấy bộ phận

☐ *bần bật*

☐ *lặng lẽ*

☐ *tức tưởi*

☐ *thăm thẳm*

☐ *rực rỡ*

☐ *rón rén*

☐ *nức nở*

☐ *chiêm chiếp*

☐ *nặng nề*

☐ *riú rít*

☐ *riú ran*

☐ *lạnh lạnh*

*Những từ còn lại là:*

### 4. Xếp các từ bảng phù hợp:

*máu mủ*

*râu ria*

*lấp ló*

*tươi tốt*

*khang khác*

*nấu nướng*

*đông đủ*

*đông đúc*

*nhanch nhen*

*hăng hái*

